| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NÔNG CỐNG**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2022/HNGĐ - ST
Ngày 12-4-2022
*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Kỳ Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1.Ông Thiệu Khắc Yên

2. Bà Bùi Thị Vân.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Hữu Bạo – Kiểm sát viên.

Ngày 12/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992.

ĐKNKTT: Thôn ĐT, xã VH, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Viết L1, sinh năm 1990.

ĐKNKTT: ĐKNKTT: Thôn ĐT, xã VH, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Đội xx, thôn MP, xã HMT, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Tại phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh L1(anh L1 đã có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 14/02/2022 và bản tự khai ngày 07/3/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

*Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Viết L1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/11/2012 tại UBND xã

VH, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 02 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L1 không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Hiện nay chị không có thai nghén gì. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L1.

*Về con chung*: Chị và anh L1 có 01 con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 30/11/2012.

Hiện nay cháu N đang ở với chị và ông bà ngoại. Nguyện vọng của chị khi ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L1 và xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung vợ chồng không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2022 bị đơn là anh Nguyễn Viết L1 trình bày:*

*Về hôn nhân:* Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VH, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chơi bời, không lo làm ăn. Nay xét thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

*Về con chung*: Anh nhường quyền nuôi cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 30/11/2012 cho chị Nguyễn Thị L, anh không cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản và nợ chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết

*- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

**** Về tố tụng***:

*+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự:* Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt bị đơn Nguyễn Viết L1 nhưng anh L1 đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy việc vắng mặt của anh L1 không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

**** Về nội dung:***

*+ Về đường lối giải quyết vụ án:*

Về hôn nhân: Chị L và anh L1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VH, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian sống chung, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L1 chơi bời, không lo làm ăn và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2019. Tại bản tự khai, cả hai bên đương sự đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đều đề nghị được ly hôn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị L được ly hôn anh L1.

Về con chung: Hiện nay cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 30/11/2012 đang ở với chị L. Hai bên đương sự đều có nguyện vọng giao cháu N cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, vì vậy đề nghị giao cháu N cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị L và anh L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

*+ Về án phí:* Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Nguyễn Thị L phải chiu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Nông Cống nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Nguyễn Viết L1 có hộ khẩu thường trú tại thôn ĐT, xã VH, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên việc chị Nguyễn Thị L yêu

cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Viết L1 có đơn đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án, vì vậy không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt anh Nguyễn Viết L1, tuy nhiên anh L1 đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh L1 là đúng với quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung:*

- *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Viết L1 và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VH, huyện NC, Thanh Hóa ngày 07/11/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay cả hai vợ chồng đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

- *Về con chung:* Vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 30/11/2012. Hiện nay cháu N đang sống cùng chị L. Nguyện vọng của chị L sau khi ly hôn là trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản ghi lời khai, nguyện vọng của anh L1 là nhường quyền nuôi con cho chị L và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị L và anh L1 đều cho rằng vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Xét yêu cầu về việc ly hôn và nuôi con chung của chị L và anh L1 thấy rằng:

Chị L và anh L1 kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có thời gian tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VH, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 07/11/2012, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn được một thời gian, do tính tình không hợp nên vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau từ tháng 02 năm 2019. Đến nay cả hai đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và đều đề nghị Tòa án được ly hôn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Viết L1. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị L được ly hôn anh L1 là phù hợp.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Viết L1 có 01 con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 30/11/2012.

Trong quá trình xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, chị L đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, chị không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về phía anh L1, anh nhường quyền nuôi dưỡng cháu N cho chị L và không cấp dưỡng nuôi con

Xét yêu cầu của chị L và anh L1 thấy rằng: Hiện nay cháu Nguyễn Thị Hồng N đang ở với chị L và nguyện vọng của cháu cũng muốn được ở với chị L khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, cần giao cháu N cho chị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu và đảm bảo nguyện vọng của cả hai vợ chồng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thấy rằng: Chị L không yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét đến nghĩa vụ cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về tài sản và công nợ chung cho hai bên đương sự.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Viết L1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 30/11/2012 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L1 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2021/0006816 ngày 28/02/2022. Chấp nhận chị L đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị L, vắng mặt anh L1. Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Nông Cống;
- UBND xã VH, huyện NC;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Kỳ Anh**